

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2008/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 3 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về nội dung và mức chi tổ chức kỳ thi tốt nghiệp,
tuyển sinh, thi học sinh giỏi các cấp, các hội thi khác của ngành
giáo dục, thi giáo viên dạy giỏi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 49/2007/TTLT/BTC-BGD&ĐT ngày 18 tháng 5 năm 2007 của liên Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tạm thời về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực;

Xét Công văn số 2366/TC-HCSN ngày 12 tháng 12 năm 2007 của Sở Tài chính và Tờ trình số 1884/GDDT-KHTC ngày 05 tháng 12 năm 2007 của Sở Giáo dục và Đào tạo về nội dung và mức chi phục vụ các kỳ thi, các hội thi của ngành Giáo dục-Đào tạo Quảng Ngãi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về nội dung và mức chi tổ chức các kỳ thi tốt nghiệp, tuyển sinh, thi học sinh giỏi các cấp, các hội thi khác của ngành Giáo dục và Đào tạo, thi giáo viên dạy giỏi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (chi tiết theo các phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Mức chi qui định tại Điều 1 Quyết định này được áp dụng thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian tổ chức kỳ thi. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ trong một ngày thì được hưởng một mức thù lao cao nhất.

- Mức chi nêu trên là mức tối đa, căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng dự toán kinh phí được giao, thủ trưởng đơn vị tiến hành rà soát và điều chỉnh, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp để làm cơ sở cho việc thanh toán tại đơn vị; kiểm soát chi, thanh tra, kiểm tra, thẩm tra quyết toán kinh phí của các cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 27/2006/QĐ-UB ngày 15 tháng 5 năm 2006 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Các qui định khác trái với qui định tại Quyết định này điều bãi bỏ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi, Chủ tịch UBND các huyện và thành phố Quảng Ngãi; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế

PHỤ LỤC SỐ 1
NỘI DUNG VÀ CÁC MỨC CHI PHỤC VỤ KỲ THI TỐT NGHIỆP
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÀ BỒ TÚC TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
(Kèm theo Quyết định số 25/2008/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2008
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
1	Chi ra đề thi			
1.1	Chi phụ cấp trách nhiệm Hội đồng in sao đề thi			
	- Chủ tịch	<i>Người/ ngày</i>	130	
	- Phó chủ tịch	<i>Người/ ngày</i>	110	
	- Ủy viên, Thư ký, bảo vệ vòng trong (24/24h)	<i>Người/ ngày</i>	90	
	- Bảo vệ vòng ngoài	<i>Người/ ngày</i>	50	
1.2	Hỗ trợ tiền ăn cho những người trong hội đồng in sao đề thi trong những ngày tập trung cách ly	<i>Người/ ngày</i>	60	
2	Tổ chức coi thi			
	Chi phụ cấp trách nhiệm cho HĐ coi thi, chấm thi:			
	- Chủ tịch	<i>Người/ ngày</i>	130	
	- Phó Chủ tịch	<i>Người/ ngày</i>	110	
	- Ủy viên, Thư ký, giám thị	<i>Người/ ngày</i>	70	
	- Phục vụ, bảo vệ vòng ngoài...	<i>Người/ ngày</i>	50	
	- Trục bảo vệ đề, bài thi ngoài giờ	<i>Người/ ngày</i>	50	
3	Tổ chức chấm thi			
3.1	Chấm bài thi tự luận:			
	- Chấm bài thi	<i>Bài</i>	7	
	- Phụ cấp trách nhiệm tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi	<i>Người/đợt</i>	100	
3.2	Chấm bài thi trắc nghiệm:			
	- Chi cho cán bộ thuộc tổ xử lý bài thi trắc nghiệm	<i>Người/ ngày</i>	150	
	- Chi cho việc thuê máy chấm thi	Căn cứ Hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao		
3.3	Chi phụ cấp trách nhiệm			

	cho Hội đồng chấm thi			
	- Chủ tịch	<i>Người/ ngày</i>	130	
	- Phó chủ tịch	<i>Người/ ngày</i>	110	
	- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	<i>Người/ ngày</i>	70	
	- Phục vụ, bảo vệ	<i>Người/ ngày</i>	50	
	- Trục bảo vệ đề, bài thi ngoài giờ	<i>Người/ ngày</i>	50	
4	Phúc khảo bài thi			
	- Phụ cấp trách nhiệm cho các cán bộ tham gia phúc khảo bài thi tốt nghiệp	<i>Người/ ngày</i>	70	
5	Thanh tra thi			
	- Trưởng, phó đoàn	<i>Người/ ngày</i>	130	
	- Đoàn viên đoàn thanh tra	<i>Người/ ngày</i>	110	
6	Bồi dưỡng Ban chỉ đạo, tổ chức cấp Tỉnh			
	- Trưởng ban	<i>Người/ ngày</i>	130	
	- Phó ban	<i>Người/ ngày</i>	110	
	- Ủy viên	<i>Người/ ngày</i>	100	
7	Tiền ở, lưu trú và vé tàu xe đi lại cho giáo viên ở xa trong thời gian tổ chức thi	Đơn vị được cử đi có trách nhiệm thực hiện theo qui định hiện hành về chế độ công tác phí cho CB,CC đi công tác trong nước		
8	Tiền thuê cơ sở vật chất, văn phòng phẩm, ấn phẩm thi, nước uống và các dịch vụ khác (nếu có) tại các hội đồng ra đề thi, coi thi, chấm thi.	Căn cứ chế độ hiện hành, Hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp hợp lệ trong phạm vi dự toán được giao		

PHỤ LỤC SỐ 2
NỘI DUNG VÀ CÁC MỨC CHI
KỶ THI TỐT NGHIỆP NGHỀ PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số: 25/2008/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2008
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
1	Chi ra đề thi			
1.1	Ra đề tự luận			Đề thi vừa trắc nghiệm vừa tự luận được xem là đề tự luận
	- Đề đề xuất (có đáp án và hướng dẫn chấm)	Đề	120	
	- Đề thi chính thức và dự bị (có đáp án)	Người/ ngày	90	Tối đa không quá 2.100.000 đ/ đề
	- Đề Thực hành (có đáp án)	Đề	70	Đề phải có ít nhất 10 câu
1.2	Phụ cấp trách nhiệm HĐ ra đề			
	- Chủ tịch	Người/ ngày	90	
	- Phó Chủ tịch	Người/ ngày	70	
	- Thư ký	Người/ ngày	60	
	- Phục vụ, bảo vệ	Người/ ngày	50	
2	Chi cho tổ chức coi thi, chấm thi			
2.1	Chi phụ cấp trách nhiệm cho HĐ coi thi, chấm thi			
	- Chủ tịch	Người/ ngày	80	
	- Phó Chủ tịch	Người/ ngày	70	
	- Thư ký, giám thị, giám khảo chấm thi thực hành, kỹ thuật viên..	Người/ ngày	60	
	- Phục vụ, bảo vệ vòng ngoài....	Người/ ngày	50	
	- Trục bảo vệ đề, bài thi ngoài giờ	Người/ ngày	50	
2.2	Chi phụ cấp trách nhiệm tổ trưởng, tổ phó tổ chấm thi	Người/ đợt	70	
2.3	Chấm bài lý thuyết	Bài thi	04	
3	Thanh tra thi			
	- Trưởng, phó đoàn	Người/ ngày	100	
	- Đoàn viên đoàn thanh tra	Người/ ngày	80	
4	Tiền ở , lưu trú và vé tàu xe đi lại cho giáo viên ở xa trong thời gian tổ chức thi	Đơn vị được cử đi có trách nhiệm thực hiện theo qui định hiện hành về chế độ công tác phí cho CBCC đi công tác trong nước. Riêng giáo viên		

		THCS, tiểu học làm công tác thi được thanh toán trực tiếp tại đơn vị tổ chức thi.
5	Tiền thuê cơ sở vật chất, văn phòng phẩm, ấn phẩm thi, nước uống và các dịch vụ khác (nếu có)	Căn cứ chế độ hiện hành, Hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp hợp lệ trong phạm vi dự toán được giao
6	Chi mua nguyên, vật liệu tiêu hao... đối với các môn thi thực hành	

PHỤ LỤC SỐ 3
NỘI DUNG VÀ CÁC MỨC CHI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO ĐẦU CẤP PHỔ THÔNG:

(Kèm theo Quyết định số: 25/2008/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2008
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

1. Tuyển sinh vào lớp 10 Trung học phổ thông

	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)		Ghi chú
			THPT	THPT chuyên	
1	Chi ra đề thi				
1.1	Ra đề trắc nghiệm				Đề thi 100% câu trắc nghiệm đưa vào máy chấm
	- Soạn thảo câu trắc nghiệm đưa vào biên tập	<i>Câu</i>	20	25	
	- Thẩm định và biên tập câu trắc nghiệm	<i>Câu</i>	15	20	
	- Đánh máy và nhập vào ngân hàng câu trắc nghiệm	<i>Người/ ngày</i>	100	100	
1.2	Ra đề tự luận				Đề thi vừa trắc nghiệm vừa tự luận được xem là đề tự luận
1.2.1	Đề đề xuất	<i>Đề</i>	180	245	
1.2.2	Đề thi chính thức và dự bị (có đáp án)	<i>Người/ngày</i>	135	175	Tối đa không quá 2.700.000 đ/ đề môn không chuyên; 3.000.000 đ/ đề môn chuyên
1.2.3	Phụ cấp trách nhiệm HĐ ra đề				
	-Chủ tịch HĐ ra đề	<i>Người/ngày</i>	130	130	
	-Phó Chủ tịch	<i>Người/ngày</i>	110	110	
	-Thư ký, bảo vệ vòng trong	<i>Người/ngày</i>	90	90	
	- Phục vụ, bảo vệ vòng ngoài....	<i>Người/ngày</i>	50	50	
	- Hỗ trợ tiền ăn cho những người trong Hội đồng in sao đề thi trong những ngày tập trung cách ly	<i>Người/ngày</i>	60	60	
2	<i>Chi cho tổ chức coi thi, chấm thi</i>				

2.1	Chi phụ cấp trách nhiệm cho HĐ coi thi, chấm thi				
	- Chủ tịch HĐ	<i>Người/ngày</i>	130	130	
	- Phó Chủ tịch	<i>Người/ngày</i>	110	110	
	- Thư ký, giám thị, kỹ thuật viên..	<i>Người/ngày</i>	70	70	
	- Phục vụ, bảo vệ vòng ngoài....	<i>Người/ngày</i>	50	50	
	- Trục bảo vệ đề, bài thi ngoài giờ	<i>Người/ngày</i>	50	50	
2.2	Chi phụ cấp trách nhiệm tổ trưởng, tổ phó tổ chấm thi	<i>Người/ đợt</i>	100	100	
2.3	Chấm bài trắc nghiệm	<i>Người/ngày</i>	100	100	Sử dụng máy chấm
2.4	Chấm bài lý thuyết	<i>Bài thi</i>	6	15	Cho tất cả các công đoạn chấm thi
3	<i>Phúc khảo bài thi</i>				
	-Phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ tham gia phúc khảo bài thi	<i>Người/ ngày</i>	70	70	
4	<i>Thanh tra thi</i>				
	- Trưởng, Phó đoàn	<i>Người/ngày</i>	110	110	
	- Đoàn viên đoàn thanh tra	<i>Người/ngày</i>	90	90	
5	<i>Ban chỉ đạo, tổ chức</i>				
	- Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	130	130	
	- Phó ban	<i>Người/ngày</i>	110	110	
	- Ủy viên	<i>Người/ngày</i>	100	100	
6	Tiền ở, lưu trú và vé tàu xe đi lại cho giáo viên ở xa trong thời gian tổ chức thi	Được đơn vị cử đi thanh toán theo chế độ công tác phí hiện hành			
7	Tiền thuê cơ sở vật chất, văn phòng phẩm, ấn phẩm thi, nước uống và các dịch vụ khác.. (nếu có)	Căn cứ chế độ hiện hành có Hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp hợp lệ trong phạm vi dự toán được giao			
8	Chi mua nguyên, vật liệu tiêu hao... đối với các môn thi thực hành (nếu có)				

2. Xét tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)		Ghi chú
			Mầm non, Tiểu học	THCS, THPT	
	Phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng xét tuyển sinh	<i>Người/ngày</i>	40	50	Tối đa không quá 10 ngày/năm

PHỤ LỤC SỐ 4
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI PHỤC VỤ KỶ THI HỌC SINH GIỎI CÁC CẤP
(Kèm theo Quyết định số: 25/2008/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2008 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

I. Thi học sinh giỏi Quốc gia :

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi tối đa (1.000 đ)	Ghi chú
1	Chi cho giáo viên tham gia dạy Bồi dưỡng, tập huấn			
	- Chi dịch tài liệu tham khảo	Trang	35	Tối thiểu mỗi trang phải đạt 300 từ của văn bản gốc
	- Chi phụ cấp cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	người/ngày	20	
	- Chi biên soạn và giảng dạy			
	+ Dạy lý thuyết	Tiết	60	
	+ Dạy thực hành	Tiết	90	
	+ Trợ lý thí nghiệm ,thực hành	Tiết	30	
	- Tiền ở, lưu trú và vé tàu xe đi lại của giáo viên ở xa trong thời gian tập huấn	Theo qui định hiện hành về chế độ công tác phí cho CB, CC đi công tác trong nước (chi tại đơn vị trong dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt)		
2	Chi cho học sinh			
	- Chi tiền ăn cho học sinh đội tuyển	Người/ngày	50	
	- Tiền ở và vé tàu xe đi lại cho học sinh ở xa trong thời gian tập huấn	Theo qui định hiện hành về chế độ công tác phí cho CB, CC đi công tác trong nước (chi tại Sở Giáo dục)		
3	- Tiền thuê phòng học, phòng thí nghiệm, thuê phương tiện đi thực tế, thực hành và các dịch vụ khác...	Căn cứ chế độ hiện hành, hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ trong phạm vi dự toán được giao		
4	- Chi mua nguyên vật liệu ,hoá chất			

II. Thi học sinh giỏi các cấp: Áp dụng đối với cấp trường THPT hoặc tương đương; cấp huyện (gồm bậc học Mầm non, Tiểu học và THCS) và cấp tỉnh; Riêng các trường Mầm non, Tiểu học, THCS nếu có tổ chức thi cấp trường thì được áp dụng bằng 50% mức chi cấp huyện tương ứng trong bảng phụ lục dưới đây:

1. Thi học sinh giỏi môn văn hoá:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)			Ghi chú
			Cấp trường THPT hoặc tương đương	Cấp huyện (MN, TH và THCS)	Cấp tỉnh	
1	Ra đề thi					
1.1	Ra đề trắc nghiệm					Đề thi 100% câu trắc nghiệm đưa vào máy chấm
	- Soạn thảo câu trắc nghiệm đưa vào biên tập	Câu	15	15	20	
	- Thấm định và biên tập câu trắc nghiệm	Câu	15	15	20	
	- Đánh máy và nhập vào ngân hàng câu trắc nghiệm	Người/ngày	70	70	90	
1.2	Ra đề tự luận					Đề thi vừa trắc nghiệm vừa tự luận được xem là đề tự luận
1.2.1	Ra đề xuất (có đáp án) đề theo phân môn	Đề	245	245	315	Một đề chính thức bao gồm nhiều phân môn khác nhau, đề đề xuất có ít nhất 3 câu
1.2.2	Ra đề thi chính thức và đề thi dự bị (có đáp án)	Người/ngày	175	175	225	Tối đa không vượt quá 2,5 triệu đồng/đề: cấp trường; 3,5 triệu đồng/đề: cấp huyện và 4,5 triệu đồng/đề: cấp tỉnh
1.2.3	Phụ cấp trách nhiệm Hội đồng ra đề thi :					
	- Chủ tịch	Người/ngày	100	100	130	
	- Phó chủ tịch	Người/ngày	80	80	100	
	- Ủy viên, Thư ký bảo vệ vòng trong (24/24)	Người/ngày	70	70	90	
	- Bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	35	35	45	

	- Hỗ trợ tiền ăn cho những người trong Hội đồng in sao đề thi trong những ngày tập trung cách ly	<i>Người ngày</i>	50	50	50	
2	Tổ chức coi thi					
2.1	Chi phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng coi thi					
	- Chủ tịch	<i>Người/ngày</i>	90	90	110	
	- Phó chủ tịch	<i>Người/ngày</i>	80	80	100	
	- Ủy viên, Thư ký, Giám thi	<i>Người/ngày</i>	40	40	60	
	- Bảo vệ vòng ngoài	<i>Người/ngày</i>	35	35	50	
	- Phục vụ, y tế	<i>Người/ngày</i>	35	35	50	
	- Bảo vệ bài thi, đề thi ban đêm	<i>Người/ngày</i>	35	35	50	
2.2	Thuê mượn cơ sở vật chất, văn phòng phẩm, nước uống, chi khác... cho hội đồng coi thi	Căn cứ Hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ trong phạm vi dự toán				
3	Tổ chức chấm thi					
3.1	Chấm bài thi tự luận	<i>Bài</i>	17	17	20	
	- Phụ cấp trách nhiệm tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi	<i>Người/ đợt</i>	70	70	90	
3.2	Chấm bài trắc nghiệm					
	- Chi cho cán bộ thuộc tổ xử lý bài thi trắc nghiệm	<i>Người/ngày</i>	100	100	130	
	- Chi thuê máy chấm thi	Căn cứ Hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ trong phạm vi dự toán được giao				
3.3	Chi phụ cấp trách nhiệm cho hội đồng chấm thi					
	- Chủ tịch	<i>Người/ngày</i>	90	90	110	
	- Phó chủ tịch	<i>Người/ngày</i>	80	80	100	
	- Ủy viên, Thư ký, kỹ thuật viên	<i>Người/ngày</i>	60	60	80	
	- Bảo vệ, phục vụ, y tế	<i>Người/ngày</i>	35	35	50	
3.4	Các khoản chi khác					
	- Bảo vệ bài thi, đề thi ban đêm tại các hội đồng chấm thi	<i>Người/ngày</i>	35	35	50	

	- Thuê mượn cơ sở vật chất, văn phòng phẩm, nước uống, chi khác cho hội đồng chấm	Căn cứ Hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ trong phạm vi dự toán				
3.5	Chi xét kết quả	<i>Người/ngày</i>	35	35	45	
3.6	Ban chỉ đạo, tổ chức	<i>Người/ngày</i>	35	35	50	
4.	Bồi dưỡng, tập huấn					
	- Chi phụ cấp cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	<i>Người/ngày</i>	20	20	20	Tổ chức dạy và chi tại đơn vị
	- Chi biên soạn và giảng dạy					
	+ Dạy lý thuyết	<i>Tiết</i>	20	20	30	
	+ Dạy thực hành	<i>Tiết</i>	30	30	40	
	+Trợ lý thí nghiệm, thực hành	<i>Tiết</i>	15	15	20	
	- Chi tiền ăn cho học sinh đội tuyển	<i>Người/ngày</i>	20	20	30	
	- Chi phí cho giáo viên và học sinh ở xa trong thời gian tham gia tập huấn, bồi dưỡng	Được đơn vị cử học sinh và cán bộ, giáo viên tham dự thanh toán theo chế độ công tác phí hiện hành từ nguồn kinh phí trong dự toán được giao; riêng học sinh vì đã được hỗ trợ tiền ăn nên không được thanh toán phụ cấp công tác				
	- Tiền thuê phòng học, phòng thí nghiệm, thuê phương tiện đi thực tế, thực hành và các dịch vụ khác	Căn cứ chế độ hiện hành, hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp hợp lệ trong phạm vi dự toán được giao				
	- Chi mua nguyên vật liệu, hoá chất					

2. Thi học sinh giỏi các môn thi khác : Bao gồm thi bé khỏe, bé ngoan, bé khỏe tay nhanh trí, thi vở sạch chữ đẹp, kể chuyện theo sách, văn nghệđược áp dụng bằng 80% mức chi của môn văn hoá tương ứng cùng cấp tổ chức ở trên.

Riêng đối với các trường Mầm non, Tiểu học, THCS nếu có tổ chức thi cấp trường thì được áp dụng bằng 50% mức chi cấp huyện tương ứng.

PHỤ LỤC SỐ 5
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI PHỤC VỤ HỘI KHỎE PHÙ ĐỒNG, HỘI THAO
QUỐC PHÒNG VÀ CÁC MÔN THI THỂ DỤC - THỂ THAO

(Kèm theo Quyết định số: 25/2008/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2008
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

1. Hội thi cấp toàn quốc

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ) Tiền ăn và tiền thuốc bồi dưỡng	Ghi chú
1	Chế độ dinh dưỡng đối với Huấn luyện viên, vận động viên thi đấu			
	Trong thời gian tập luyện	<i>Người/ngày</i>	40	
	Trong thời gian thi đấu	<i>Người/ngày</i>	50	
2	Tiền ở và vé tàu xe hoặc thuê phương tiện đi lại cho học sinh, giáo viên trong thời gian tập luyện và thi đấu	Theo qui định hiện hành về chế độ công tác phí cho CBCC đi công tác trong nước do đơn vị cử học sinh và CB giáo viên đi dự thi thanh toán trong dự toán được giao		
3	Thuê CSVC để tập luyện, phí khám sức khỏe cho VĐV, một số chi phí khác (nếu có)	Căn cứ Hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp hợp lệ trong phạm vi dự toán được giao		

2. Hội thi các cấp: Áp dụng đối với cấp trường THPT hoặc tương đương; cấp huyện (bậc Mầm non, Tiểu học, THCS) và cấp tỉnh. Riêng các trường Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở nếu có tổ chức thi cấp trường thì được áp dụng bằng 50% mức chi cấp huyện tương ứng.

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ) Tiền ăn và tiền thuốc bồi dưỡng			Ghi chú
			Cấp trường THPT hoặc tương đương	Cấp huyện (MN, TH và THCS)	Cấp tỉnh	
1	Chế độ dinh dưỡng đối với Huấn luyện viên, vận động viên thi đấu					
1.1	Trong thời gian tập luyện	<i>Người/ngày</i>	25	25	30	

1.2	Trong thời gian thi đấu	<i>Người/ngày</i>	35	35	45	
2	Chế độ bồi dưỡng cho trọng tài, giám sát, ban tổ chức, phục vụ					
2.1	Đối với các môn tính theo buổi : cầu lông, đá cầu , điền kinh, cờ vua ...					
	- Trưởng, phó ban	<i>Người/ngày</i>	30	30	40	
	- Ủy viên ban tổ chức	<i>Người/ngày</i>	25	25	35	
	- Trọng tài	<i>Người/buổi</i>	25	25	35	
	- Nhân viên phục vụ	<i>Người/ngày</i>	20	20	30	
2.2	Đối với các môn tính theo trận : Bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ.					
2.21	Bóng đá (11 người)					
	- Trưởng, phó ban	<i>Người/ngày</i>	30	30	40	
	- Ủy viên ban tổ chức	<i>Người/ngày</i>	25	25	35	
	- Trọng tài chính, giám sát	<i>Người/trận</i>	40	40	50	
	- Trợ lý trọng tài, thư ký	<i>Người/trận</i>	25	25	30	
	- Nhân viên phục vụ	<i>Người/ngày</i>	20	20	30	
2.22	Bóng đá (05,07 người)					
	- Trưởng, phó ban	<i>Người/ngày</i>	25	25	30	
	- Ủy viên ban tổ chức	<i>Người/ngày</i>	20	20	25	
	- Trọng tài chính, giám sát	<i>Người/trận</i>	30	30	40	
	- Trợ lý trọng tài, thư ký	<i>Người/trận</i>	20	20	25	
	- Nhân viên phục vụ	<i>Người/ngày</i>	20	20	25	
2.23	Bóng chuyền, bóng rổ					
	- Trưởng, phó ban	<i>Người/ngày</i>	25	25	30	
	- Ủy viên ban tổ chức	<i>Người/ngày</i>	20	20	25	
	- Trọng tài chính, giám sát	<i>Người/trận</i>	30	30	40	
	- Trợ lý trọng tài, thư ký	<i>Người/trận</i>	20	20	25	
	- Nhân viên phục vụ	<i>Người/ngày</i>	20	20	25	

PHỤ LỤC SỐ 6

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI PHỤC VỤ THI GIÁO VIÊN DẠY GIỎI
(*Kèm theo Quyết định số 25/2008 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2008 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*)

1. Thi giáo viên dạy giỏi các môn văn hoá:

Áp dụng đối với cấp trường THPT hoặc tương đương; cấp huyện (bậc Mầm non, Tiểu học, THCS) và cấp tỉnh. Riêng các trường Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở nếu có tổ chức thi cấp trường thì được áp dụng bằng 50% mức chi cấp huyện tương ứng.

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)			Ghi chú
			Cấp trường THPT hoặc tương đương	Cấp huyện (MN, TH và THCS)	Cấp tỉnh	
1	Ra đề thi					
1.1	Ra đề đề xuất (có đáp án) đề theo phân môn	<i>Đề</i>	150	150	180	Một đề chính thức bao gồm nhiều phân môn khác nhau, đề đề xuất có ít nhất 03 câu
1.2	Ra đề thi chính thức và đề thi dự bị (có đáp án)	<i>Người/ngày</i>	120	120	150	Tối đa không vượt quá 1,2 triệu đồng/đề đối với cấp huyện, cấp trường THPT và 1,5 triệu đồng/đề đối với cấp tỉnh
1.3	Phụ cấp trách nhiệm Hội đồng ra đề thi :					
	- Chủ tịch	<i>Người/ngày</i>	0	100	130	
	- Phó chủ tịch	<i>Người/ngày</i>	0	80	110	
	- Ủy viên, Thư ký	<i>Người/ngày</i>	0	0	100	
2	Tổ chức coi thi					
2.1	Chi phụ cấp trách nhiệm cho hội đồng/ Ban coi thi					
	- Chủ tịch Hội đồng	<i>Người/ngày</i>	90	90	110	
	- Các phó chủ tịch	<i>Người/ngày</i>	80	80	100	
	- Ủy viên, Thư ký, G.Thị	<i>Người/ngày</i>	40	40	60	
	- Bảo vệ , phục vụ	<i>Người/ngày</i>	35	35	50	
2.2	Thuê mượn cơ sở vật chất, văn phòng phẩm, nước uống, chi khác cho hội đồng coi thi					Căn cứ Hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp , hợp lệ trong phạm vi dự toán

3	Tổ chức chấm thi					
3.1	Chấm bài thi lý thuyết	Bài	20	20	25	
3.2	Chấm tiết giảng trên lớp					
	- Thi lý thuyết	<i>Tiết/giám khảo</i>	30	30	40	
	- Thi thực hành	<i>Tiết/giám khảo</i>	35	35	45	
	- Trợ lý thí nghiệm	<i>Tiết/giám khảo</i>	20	20	25	
3.3	Chấm giáo án của giáo viên dự thi	<i>Người/ngày</i>	40	40	50	Thời gian chấm không quá 3 ngày.
3.4	Chi phụ cấp trách nhiệm cho hội đồng chấm					
	- Chủ tịch Hội đồng	<i>Người/ngày</i>	90	90	110	
	- Các phó chủ tịch	<i>Người/ngày</i>	80	80	100	
	- Ủy viên, Thư ký, kỹ thuật viên	<i>Người/ngày</i>	60	60	80	
	- Bảo vệ, phục vụ, y tế	<i>Người/ngày</i>	35	35	45	
4	Thanh tra thi					
	- Trưởng, Phó đoàn	<i>Người/ngày</i>	0	90	110	
	- Đoàn viên thanh tra	<i>Người/ngày</i>	0	80	90	
5	Chi ban chỉ đạo, tổ chức	<i>Người/ngày</i>	35	35	50	
6	Các khoản chi khác					
	- Thuê mượn cơ sở vật chất, văn phòng phẩm, nước uống, chi khác cho hội đồng chấm	Căn cứ Hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ trong phạm vi dự toán				
	- Tiền ở và vé tàu xe đi lại cho giáo viên ở xa trong thời gian dự thi	Được đơn vị cử giáo viên dự thi thanh toán theo chế độ công tác phí hiện hành trong dự toán nguồn kinh phí được cấp thẩm quyền giao				
	- Tiền thuê phòng học, phòng thí nghiệm, thuê phương tiện đi thực tế, thực hành và các dịch vụ khác	Căn cứ chế độ hiện hành, Hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp hợp lệ trong phạm vi dự toán được giao				
	- Chi mua nguyên vật liệu, hoá chất					
7	Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho giáo viên dự thi	<i>Người/ ngày</i>	0	30	40	

2. Thi giáo viên dạy giỏi các môn thi khác : Bao gồm thi đồ dùng dạy học, thi tổng phụ trách đội giỏi, thi giáo viên thanh lịch bằng 80% mức chi của môn văn hoá tương ứng cùng bậc học và cấp tổ chức ở trên.

Riêng đối với các trường Mầm non, Tiểu học, THCS nếu có tổ chức thi cấp trường thì được áp dụng bằng 50% mức chi cấp huyện tương ứng.

PHỤ LỤC SỐ 7
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI NGHIỆP VỤ KHÁC CỦA NGÀNH GIÁO DỤC
(Kèm theo Quyết định số: 25/2008/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2007
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ) (Hỗ trợ thêm)			Ghi chú
			Cấp trường THPT hoặc tương đương	Cấp huyện (MN, TH và THCS)	Cấp tỉnh	
1	Kiểm tra thư viện, trường đạt chuẩn Quốc gia	<i>Người/ngày</i>	0	30	40	Ngoài mức hỗ trợ thêm, CB, CC tham gia kiểm tra được cơ quan thanh toán theo chế độ công tác phí hiện hành
2	Kiểm tra đoàn đội, trường học	<i>Người/ngày</i>	0	20	30	nt
3	Chăm sóc kiến kinh nghiệm, cải tiến kỹ thuật	<i>Bài</i>	0	30	40	
4	Giám khảo các hội thi phải thuê mướn người ngoài ngành giáo dục	<i>Người/ngày (đêm)</i>	0	150	200	Nếu là ban đêm được tính như 01 ngày
5	In ấn, kiểm tra, ký duyệt các loại giấy khen, kỷ niệm chương, giấy chứng nhận	<i>Người/ngày</i>				
5.1	Kỷ niệm chương	<i>Tờ</i>	01	01	01	
5.2	Giấy khen, giấy chứng nhận	<i>Tờ</i>	0,5	0,5	0,5	

PHỤ LỤC SỐ 8
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI
KHEN THƯỞNG CÁC HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ
(Kèm theo Quyết định số: 25/2008/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2008
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

I. Thưởng học sinh đạt giải Quốc Gia và khu vực các môn văn hoá

	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
1	Học sinh giỏi quốc gia, và khu vực do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức			
	- Nhất	<i>giải</i>	2.000	
	- Nhì	<i>giải</i>	1.500	
	- Ba	<i>giải</i>	1.000	
	- Khuyến khích	<i>giải</i>	500	
2	Học sinh giỏi Quốc tế và khu vực (Châu Á, ASEAN)			
	- Nhất	<i>giải</i>	1.000	
	- Nhì	<i>giải</i>	800	
	- Ba	<i>giải</i>	600	
	- Khuyến khích	<i>giải</i>	400	
3	Học sinh giỏi đạt giải tại các kỳ thi khu vực (trong nước) không thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức			
	- Nhất	<i>giải</i>	400	
	- Nhì	<i>giải</i>	300	
	- Ba	<i>giải</i>	200	
	- Khuyến khích	<i>giải</i>	100	
4	Giáo viên trực tiếp bồi dưỡng học sinh giỏi Quốc gia có học sinh đạt giải			
	- Nhất	<i>giải</i>	1.000	
	- Nhì	<i>giải</i>	800	
	- Ba	<i>giải</i>	600	
	- Khuyến khích	<i>giải</i>	400	

II. Thưởng học sinh đạt giải Quốc gia và khu vực các môn thi khác

	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
	Học sinh đạt giải tại các kỳ thi Quốc gia, khu vực các môn thi khác			
	- Nhất	<i>giải</i>	500	
	- Nhì	<i>giải</i>	400	
	- Ba	<i>giải</i>	300	
	- Khuyến khích	<i>giải</i>	200	

III. Thưởng học sinh giỏi các cấp: Áp dụng đối với cấp trường THPT hoặc tương đương; cấp huyện (gồm bậc học Mầm non, Tiểu học, THCS) và cấp tỉnh.

Riêng các trường Mầm non, Tiểu học, THCS nếu có tổ chức thi cấp trường thì được áp dụng bằng 50% mức chi cấp huyện tương ứng.

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)			Ghi chú
			Cấp trường THPT hoặc tương đương	Cấp huyện (MN, TH và THCS)	Cấp tỉnh	
1	Học sinh giỏi môn văn hóa					
	- Nhất	<i>giải</i>	600	600	800	
	- Nhì	<i>giải</i>	400	400	600	
	- Ba	<i>giải</i>	250	250	400	
	- Khuyến khích	<i>giải</i>	150	150	200	
2	Thưởng cho giáo viên trực tiếp bồi dưỡng học sinh giỏi môn văn hóa đạt giải					
	- Nhất	<i>giải</i>	0	0	140	
	- Nhì	<i>giải</i>	0	0	120	
	- Ba	<i>giải</i>	0	0	100	
2	Học sinh giỏi các môn thi khác					
2.1	Thưởng cá nhân					
	- Nhất	<i>giải</i>	150	150	200	
	- Nhì	<i>giải</i>	100	100	150	

	- Ba	<i>giải</i>	80	80	100	
2.2	Thưởng tập thể					
	- Nhất	<i>giải</i>	500	500	600	
	- Nhì	<i>giải</i>	400	400	500	
	- Ba	<i>giải</i>	300	300	400	
	- Khuyến khích	<i>giải</i>	200	200	300	

IV. Thưởng giáo viên dạy giỏi các cấp: Áp dụng đối với cấp trường THPT hoặc tương đương; cấp huyện (gồm bậc học Mầm non, Tiểu học và THCS) và cấp tỉnh.

Riêng các trường Mầm non, Tiểu học, THCS nếu có tổ chức thi cấp trường thì được áp dụng bằng 50% mức chi cấp huyện tương ứng.

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)			Ghi chú
			Cấp trường THPT hoặc tương đương	Cấp huyện (MN, TH và THCS)	Cấp tỉnh	
1	Giáo viên dạy giỏi môn văn hóa					
	- Nhất	<i>giải</i>	400	400	500	
	- Nhì	<i>giải</i>	300	300	400	
	- Ba	<i>giải</i>	200	200	300	
	- Khuyến khích	<i>giải</i>	100	100	200	
2	Giáo viên giỏi các môn thi khác					
2.1	Thưởng cá nhân					
	- Nhất	<i>giải</i>	300	300	400	
	- Nhì	<i>giải</i>	200	200	300	
	- Ba	<i>giải</i>	100	100	200	
2.2	Thưởng tập thể					
	- Nhất	<i>giải</i>	400	400	500	
	- Nhì	<i>giải</i>	300	300	400	
	- Ba	<i>giải</i>	200	200	300	
	- Khuyến khích	<i>giải</i>	100	100	200	

V. Mức thưởng đạt giải tại các hội thi: Hội khoẻ phù đồng, Hội thao quốc phòng, Thể dục thể thao

			Mức chi (1.000 đ)	
--	--	--	-------------------	--

			Cấp trường THPT hoặc tương đương	Cấp huyện (MN, TH và THCS)	Cấp tỉnh	
1	Cá nhân					
	- Vàng	<i>giải</i>	100	150	200	
	- Bạc	<i>giải</i>	80	100	150	
	- Đồng	<i>giải</i>	50	80	100	
2	Giải đôi, toàn năng, và tiếp sức					
	- Vàng	<i>giải</i>	200	300	400	
	- Bạc	<i>giải</i>	160	200	300	
	- Đồng	<i>giải</i>	100	160	200	
2	Giải tập thể					
2.1	Bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ					
	- Nhất	<i>giải</i>	500	800	1.000	
	- Nhì	<i>giải</i>	400	600	800	
	- Ba	<i>giải</i>	250	400	500	
2.2	Toàn đoàn điền kinh					
	- Nhất	<i>giải</i>	0	600	800	
	- Nhì	<i>giải</i>	0	400	500	
	- Ba	<i>giải</i>	0	300	400	
2.3	Toàn đoàn HKPD-HTQP					
	- Nhất	<i>giải</i>	0	800	1.000	
	- Nhì	<i>giải</i>	0	600	800	
	- Ba	<i>giải</i>	0	400	500	
	- Đơn vị miền núi có thành tích cao		0	0	500	

VI. Các mức thưởng khác :

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)			Ghi chú
			Mâm non, Tiểu học	THCS	THPT	
	Trường đạt chuẩn Quốc gia	trường	3.000	4.000	5.000	